TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Khanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Liêu Tài Ngoánh**

2. Ông **Tô Hùng Dũng**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trần Nguyễn**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Mỹ Tiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/01/2003. Căn cước công dân 095303007894 cấp ngày 26/4/2022. Địa chỉ: Ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T1, sinh ngày 27/10/2000. Căn cước công dân số 095200003314 cấp ngày 05/4/2024. Địa chỉ: Ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau.

(Chị Nguyễn Anh T xin vắng mặt; anh Phạm Văn T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T1 tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2023. Đến năm 2024, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/9/2024. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2025 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ giữa năm 2025 cho đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị T xác định, chị và anh T1 có 01 con chung tên là Phạm Đức A, sinh ngày 20/10/2024. Hiện cháu Đức A đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Đức A và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đức A đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị T xác định, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh T1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1, cho chị T và anh T1 ly hôn; về con chung: Giao con chung tên Phạm Đức A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đức A mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đức A đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Phạm Văn T1 lần thứ hai nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không rõ lý do; nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh T1 nên đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh T1 hiện đang cư trú tại ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện sống chung như vợ chồng, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2023, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/9/2024 nên hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp, được

pháp luật bảo vệ. Chị T xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay. Tại Biên bản xác minh ngày 18/3/2026, Trưởng ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau xác định chị T và anh T1 không còn chung sống từ khoảng giữa năm 2025 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Chị T xác định, chị và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa chị T và anh T1 đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung: Chị T xác định, chị và anh T1 có 01 con chung tên là Phạm Đức A, sinh ngày 20/10/2024, hiện đang sống cùng chị T. Xét thấy, cháu Đức A dưới 36 tháng tuổi, hiện đang sống ổn định với chị T nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu Đức A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Đức A mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đức A đủ 18 tuổi. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình thì *"Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con…"* và khoản 2 Điều 82 quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Mặc dù bị đơn không cung cấp chứng cứ về thu nhập nhưng căn cứ nhu cầu thiết yếu để nuôi con chung, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 24/4/2026 đến khi cháu Đức A đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[8] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Anh T. Cho chị Nguyễn Anh T được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Đức A, sinh ngày 20/10/2024 cho chị Nguyễn Anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu Phạm Đức A đang sống cùng với chị Nguyễn Anh T. Anh Phạm Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Phạm Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 24/4/2026 cho đến khi cháu Phạm Đức A đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Anh T xác định, không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Anh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004149 ngày 07/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí. Anh Phạm Văn T1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Khanh